

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG, XÃ NĂM 2024
PHƯỜNG THANH SƠN

(Kèm theo Nghị quyết số 288/NQ-HĐND ngày 20/11/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm)

Đơn vị tính: đồng

Nội dung chi	Dự toán năm 2024 đã giao	Thực hiện dự toán 10 tháng đầu năm 2024	Thu hồi dự toán còn lại 02 tháng cuối 2024
I/ Chi cân đối ngân sách địa phương	5.420.945.676	4.394.732.953	1.026.212.723
1. Chi thường xuyên	5.330.585.746	4.359.732.953	970.852.793
(Trong đó: tiết kiệm 10% chi thường xuyên để thực hiện CCTL năm 2024)	35.693.632	35.693.632	-
1.1. Chi sự nghiệp Văn xã :	130.640.566	103.780.280	26.860.286
(Gồm hoạt động văn hóa thông tin, thể dục thể thao, truyền thanh, đảm bảo xã hội)			-
1.2. Hưu xã			-
1.3. Chi Quản lý hành chính-Đảng- đoàn thể:	4.080.802.120	3.341.151.081	739.651.039
1.3.1. Kinh phí tự chủ:	3.871.159.000	3.166.448.481	704.710.519
Trong đó: + Tổng quỹ lương, các khoản đóng góp (22,5%) của biên chế có mặt	1.790.548.200	1.432.606.141	357.942.059
+ Tiền lương và các khoản đóng góp (22,5%) của số biên chế thiếu	123.832.800	103.194.000	20.638.800
+ Các khoản phụ cấp (công vụ, trách nhiệm, ...)	367.578.000	306.315.000	61.263.000
+ Định mức chi quản lý hành chính	264.000.000	220.000.000	44.000.000
+ Chi hỗ trợ điều hành Ủy ban	50.000.000	41.666.670	8.333.330
+ Mức khoán KP hoạt động các tổ chức CT-XH	24.000.000	20.000.000	4.000.000
+ Quỹ phụ cấp khoán NNHKCT ở phường, xã	421.200.000	351.000.000	70.200.000
+ Mức chi hành chính cho CBKCT cấp xã	20.000.000	16.666.670	3.333.330
+ Quỹ phụ cấp khoán NNHKCT ở khu phố, thôn	810.000.000	675.000.000	135.000.000
1.3.2. Kinh phí không tự chủ:	209.643.120	174.702.600	34.940.520
+ SHP đại biểu HĐND xã, chế độ đ/b HĐND	136.080.000	113.400.000	22.680.000
+ PC kiêm nhiệm Trưởng, phó các ban HĐND cấp xã	19.563.120	16.302.600	3.260.520
+ Chi thù lao các Hội đặc thù	54.000.000	45.000.000	9.000.000
1.4. Chi an ninh- quốc phòng	716.857.840	609.924.600	106.933.240
Trong đó: + Định mức chi an ninh - quốc phòng	128.451.440	128.451.440	-
+ Chi phụ cấp Lực lượng bảo vệ dân phố	460.080.000	373.631.200	86.448.800
+ Chi hỗ trợ hàng tháng Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng	108.326.400	90.272.000	18.054.400
+ Hỗ trợ trực sẵn sàng chiến đấu an ninh - quốc phòng	20.000.000	17.569.960	2.430.040
+ Hỗ trợ các PX trọng điểm phức tạp về AN-QP			-
1.5. KP thực hiện cuộc vận động theo Quyết định 64/2018/QĐ-UBND	60.000.000	12.798.080	47.201.920
1.6. Hỗ trợ KP chức thọ, mừng thọ Người cao tuổi	24.247.000	24.247.000	-
1.7. Hỗ trợ KP thực hiện các nhiệm vụ phát sinh (KP hoạt động HĐND; KP bảo trì 02 phần mềm: kế toán và quản lý tài sản	46.600.000	39.933.330	6.666.670

Nội dung chi	Dự toán năm 2024 đã giao	Thực hiện dự toán 10 tháng đầu năm 2024	Thu hồi dự toán còn lại 02 tháng cuối 2024
1.8. Hỗ trợ KP phòng họp trực tuyến và cước sử dụng mạng TSLCD	27.440.000	17.200.000	10.240.000
1.9. Hỗ trợ kinh phí hoạt động Đội công tác xã hội tình nguyện	65.000.000	54.166.667	10.833.333
1.10. Kinh phí Hoạt động Đảng (kể cả phụ cấp cấp ủy)	156.061.900	137.668.768	18.393.132
1.11. Chi khác	22.936.320	18.863.147	4.073.173
2. Dự phòng ngân sách:	90.359.930	35.000.000	55.359.930
II/ Số bổ sung từ ngân sách thành phố để thực hiện một số nhiệm vụ	287.000.000	198.075.000	88.925.000
- KP tổ chức Đại hội MTTQ, Đoàn Thanh niên	22.000.000	22.000.000	-
- KP xây dựng xã hội học tập	15.000.000	-	15.000.000
- KP Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	250.000.000	176.075.000	73.925.000
CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	5.707.945.676	4.592.807.953	1.115.137.723

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG, XÃ NĂM 2024
PHƯỜNG MỸ HƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số 288/NQ-HĐND ngày 20/11/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm)

Đơn vị tính: đồng

Nội dung chi	Dự toán năm 2024 đã giao	Thực hiện dự toán 10 tháng đầu năm 2024	Thu hồi dự toán còn lại 02 tháng cuối 2024
I/ Chi cân đối ngân sách địa phương	4.386.615.235	3.564.142.538	822.472.697
1. Chi thường xuyên	4.312.626.103	3.502.486.803	810.139.300
(Trong đó: tiết kiệm 10% chi thường xuyên để thực hiện CCTL năm 2024)	31.678.087	31.678.087	-
1.1. Chi sự nghiệp Văn xã :	66.669.939	54.669.939	12.000.000
(Gồm hoạt động văn hóa thông tin, thể dục thể thao, truyền thanh, đảm bảo xã hội)			-
1.2. Hưu xã			-
1.3. Chi Quản lý hành chính-Đảng-đoàn thể:	3.191.237.080	2.568.960.183	622.276.897
1.3.1. Kinh phí tự chủ:	3.017.815.000	2.424.441.783	593.373.217
Trong đó: + Tổng quỹ lương, các khoản đóng góp (22,5%) của biên chế có mặt	1.515.364.200	1.207.399.443	307.964.757
+ Tiền lương và các khoản đóng góp (22,5%) của số biên chế thiếu	123.832.800	103.194.000	20.638.800
+ Các khoản phụ cấp (công vụ, trách nhiệm, ...)	311.418.000	259.515.000	51.903.000
+ Định mức chi quản lý hành chính	228.000.000	170.000.000	58.000.000
+ Chi hỗ trợ điều hành Ủy ban	50.000.000	31.666.670	18.333.330
+ Mức khoán KP hoạt động các tổ chức CT-XH	24.000.000	20.000.000	4.000.000
+ Quỹ phụ cấp khoán NNHKCT ở phường, xã	324.000.000	270.000.000	54.000.000
+ Mức chi hành chính cho CBKCT cấp xã	20.000.000	11.666.670	8.333.330
+ Quỹ phụ cấp khoán NNHKCT ở khu phố, thôn	421.200.000	351.000.000	70.200.000
1.3.2. Kinh phí không tự chủ:	173.422.080	144.518.400	28.903.680
+ SHP đại biểu HĐND xã, chế độ đ/b HĐND	116.640.000	97.200.000	19.440.000
+ PC kiêm nhiệm Trưởng, phó các ban HĐND cấp xã	24.382.080	20.318.400	4.063.680
+ Chi thù lao các Hội đặc thù	32.400.000	27.000.000	5.400.000
1.4. Chi an ninh- quốc phòng	772.435.960	666.130.160	106.305.800
Trong đó: + Định mức chi an ninh - quốc phòng	65.552.760	55.552.760	10.000.000
+ Chi phụ cấp Lực lượng bảo vệ dân phố	252.720.000	209.605.400	43.114.600
+ Chi hỗ trợ hàng tháng Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng	54.163.200	45.136.000	9.027.200
+ Hỗ trợ trực sẵn sàng chiến đấu an ninh - quốc phòng		-	-
+ Hỗ trợ các PX trọng điểm phức tạp về AN-QP	400.000.000	355.836.000	44.164.000
1.5. KP thực hiện cuộc vận động theo Quyết định 64/2018/QĐ-UBND	40.000.000	10.000.000	30.000.000
1.6. Hỗ trợ KP chức thọ, mừng thọ Người cao tuổi	16.277.000	16.277.000	-
1.7. Hỗ trợ KP thực hiện các nhiệm vụ phát sinh (KP hoạt động HĐND; KP bảo trì 02 phần mềm: kế toán và quản lý tài sản	46.600.000	40.000.000	6.600.000

Nội dung chi	Dự toán năm 2024 đã giao	Thực hiện dự toán 10 tháng đầu năm 2024	Thu hồi dự toán còn lại 02 tháng cuối 2024
1.8. Hỗ trợ KP phòng họp trực tuyến và cước sử dụng mạng TSLCD	27.440.000	17.200.000	10.240.000
1.9. Hỗ trợ kinh phí hoạt động Đội công tác xã hội tình nguyện			-
1.10. Kinh phí Hoạt động Đảng (kể cả phụ cấp cấp ủy)	133.185.250	113.249.521	19.935.729
1.11. Chi khác	18.780.874	16.000.000	2.780.874
2. Dự phòng ngân sách:	73.989.132	61.655.735	12.333.397
II/ Số bổ sung từ ngân sách thành phố để thực hiện một số nhiệm vụ	260.000.000	207.027.760	52.972.240
- KP tổ chức Đại hội MTTQ, Đoàn Thanh niên	22.000.000	22.000.000	-
- KP xây dựng xã hội học tập	15.000.000	-	15.000.000
- KP Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	223.000.000	185.027.760	37.972.240
CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	4.646.615.235	3.771.170.298	875.444.937

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG, XÃ NĂM 2024
PHƯỜNG TÂN TÀI

(Kèm theo Nghị quyết số 288/NQ-HĐND ngày 20/11/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm)

Đơn vị tính: đồng

Nội dung chi	Dự toán năm 2024 đã giao	Thực hiện dự toán 10 tháng đầu năm 2024	Thu hồi dự toán còn lại 02 tháng cuối 2024
I/ Chi cân đối ngân sách địa phương	5.103.517.106	4.144.103.037	959.414.069
1. Chi thường xuyên	5.018.409.870	4.119.090.237	899.319.633
(Trong đó: tiết kiệm 10% chi thường xuyên để thực hiện CCTL năm 2024)	35.560.301	35.560.301	-
1.1. Chi sự nghiệp Văn xã :	155.057.070	87.687.366	67.369.704
(Gồm hoạt động văn hóa thông tin, thể dục thể thao, truyền thanh, đảm bảo xã hội)			-
1.2. Hưu xã			-
1.3. Chi Quản lý hành chính-Đảng- đoàn thể:	3.876.105.400	3.235.487.840	640.617.560
1.3.1. Kinh phí tự chủ:	3.703.132.600	3.085.943.840	617.188.760
Trong đó: + Tổng quỹ lương, các khoản đóng góp (22,5%) của biên chế có mặt	1.704.817.800	1.420.681.500	284.136.300
+ Tiền lương và các khoản đóng góp (22,5%) của số biên chế thiếu	123.832.800	103.194.000	20.638.800
+ Các khoản phụ cấp (công vụ, trách nhiệm, ...)	350.082.000	291.735.000	58.347.000
+ Định mức chi quản lý hành chính	264.000.000	220.000.000	44.000.000
+ Chi hỗ trợ điều hành Ủy ban	50.000.000	41.666.670	8.333.330
+ Mức khoán KP hoạt động các tổ chức CT-XH	24.000.000	20.000.000	4.000.000
+ Quỹ phụ cấp khoán NNHKCT ở phường, xã	421.200.000	351.000.000	70.200.000
+ Mức chi hành chính cho CBKCT cấp xã	20.000.000	16.666.670	3.333.330
+ Quỹ phụ cấp khoán NNHKCT ở khu phố, thôn	745.200.000	621.000.000	124.200.000
1.3.2. Kinh phí không tự chủ:	172.972.800	149.544.000	23.428.800
+ SHP đại biểu HĐND xã, chế độ đ/b HĐND	123.120.000	102.600.000	20.520.000
+ PC kiêm nhiệm Trưởng, phó các ban HĐND cấp xã	17.452.800	14.544.000	2.908.800
+ Chi thù lao các Hội đặc thù	32.400.000	32.400.000	-
1.4. Chi an ninh- quốc phòng	675.484.400	590.271.257	85.213.143
Trong đó: + Định mức chi an ninh - quốc phòng	152.458.800	152.458.800	-
+ Chi phụ cấp Lực lượng bảo vệ dân phố	408.240.000	339.986.857	68.253.143
+ Chi hỗ trợ hàng tháng Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng	94.785.600	77.825.600	16.960.000
+ Hỗ trợ trực sẵn sàng chiến đấu an ninh - quốc phòng	20.000.000	20.000.000	-
+ Hỗ trợ các PX trọng điểm phức tạp về AN-QP			-
1.5. KP thực hiện cuộc vận động theo Quyết định 64/2018/QĐ-UBND	55.000.000	15.180.000	39.820.000
1.6. Hỗ trợ KP chức thọ, mừng thọ Người cao tuổi	22.880.000	22.880.000	-
1.7. Hỗ trợ KP thực hiện các nhiệm vụ phát sinh (KP hoạt động HĐND; KP bảo trì 02 phần mềm: kế toán và quản lý tài sản	47.572.000	47.572.000	-

Nội dung chi	Dự toán năm 2024 đã giao	Thực hiện dự toán 10 tháng đầu năm 2024	Thu hồi dự toán còn lại 02 tháng cuối 2024
1.8. Hỗ trợ KP phòng họp trực tuyến và cước sử dụng mạng TSLCD	27.440.000	25.700.000	1.740.000
1.9. Hỗ trợ kinh phí hoạt động Đội công tác xã hội tình nguyện			-
1.10. Kinh phí Hoạt động Đảng (kể cả phụ cấp cấp ủy)	137.267.986	72.708.760	64.559.226
1.11. Chi khác	21.603.014	21.603.014	-
2. Dự phòng ngân sách:	85.107.236	25.012.800	60.094.436
II/ Số bổ sung từ ngân sách thành phố để thực hiện một số nhiệm vụ	487.000.000	455.192.130	31.807.870
- KP tổ chức Đại hội MTTQ, Đoàn Thanh niên	22.000.000	22.000.000	-
- KP xây dựng xã hội học tập	15.000.000	1.000.000	14.000.000
- KP Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	450.000.000	432.192.130	17.807.870
CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	5.590.517.106	4.599.295.167	991.221.939

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG, XÃ NĂM 2024

Giao bổ sung dự toán chi 02 tháng cuối 2024 cho UBND phường Phủ Hà sau khi sắp xếp

(Kèm theo Nghị quyết số 288/NQ-HĐND ngày 20/11/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm)

Đơn vị tính: đồng

Nội dung chi	Dự toán năm 2024 đã giao	Giao bổ sung dự toán 02 tháng cuối 2024	Dự toán năm 2024 sau khi sắp xếp
I/ Chi cân đối ngân sách địa phương	5.241.994.236	595.840.465	5.837.834.701
1. Chi thường xuyên	5.154.678.424	540.480.535	5.695.158.959
(Trong đó: tiết kiệm 10% chi thường xuyên để thực hiện CCTL năm 2024)	35.616.362		35.616.362
1.1. Chi sự nghiệp Văn xã :	155.716.561	7.748.908	163.465.469
(Gồm hoạt động văn hóa thông tin, thể dục thể thao, truyền thanh, đảm bảo xã hội)			-
1.2. Hưu xã			-
1.3. Chi Quản lý hành chính-Đảng-đoàn thể:	4.064.896.960	328.390.159	4.393.287.119
1.3.1. Kinh phí tự chủ:	3.833.440.000	296.710.159	4.130.150.159
Trong đó: + Tổng quỹ lương, các khoản đóng góp (22,5%) của biên chế có mặt	1.813.039.200	116.318.159	1.929.357.359
+ Tiền lương và các khoản đóng góp (22,5%) của số biên chế thiếu	123.832.800		123.832.800
+ Các khoản phụ cấp (công vụ, trách nhiệm, ...)	372.168.000	11.592.000	383.760.000
+ Định mức chi quản lý hành chính	264.000.000	6.800.000	270.800.000
+ Chi hỗ trợ điều hành Ủy ban	50.000.000		50.000.000
+ Mức khoán KP hoạt động các tổ chức CT-XH	24.000.000		24.000.000
+ Quỹ phụ cấp khoán NNHKCT ở phường, xã	421.200.000	27.000.000	448.200.000
+ Mức chi hành chính cho CBKCT cấp xã	20.000.000		20.000.000
+ Quỹ phụ cấp khoán NNHKCT ở khu phố, thôn	745.200.000	135.000.000	880.200.000
1.3.2. Kinh phí không tự chủ:	231.456.960	31.680.000	263.136.960
+ SHP đại biểu HĐND xã, chế độ đ/b HĐND	136.080.000	22.680.000	158.760.000
+ PC kiêm nhiệm Trưởng, phó các ban HĐND cấp xã	19.776.960		19.776.960
+ Chi thù lao các Hội đặc thù	75.600.000	9.000.000	84.600.000
1.4. Chi an ninh- quốc phòng	610.752.040	106.933.240	717.685.280
Trong đó: + Định mức chi an ninh - quốc phòng	153.107.240		153.107.240
+ Chi phụ cấp Lực lượng bảo vệ dân phố	356.400.000	86.448.800	442.848.800
+ Chi hỗ trợ hàng tháng Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng	81.244.800	18.054.400	99.299.200
+ Hỗ trợ trực sẵn sàng chiến đấu an ninh - quốc phòng	20.000.000	2.430.040	22.430.040
+ Hỗ trợ các PX trọng điểm phức tạp về AN-QP			-
1.5. KP thực hiện cuộc vận động theo Quyết định 64/2018/QĐ-UBND	50.000.000	47.201.920	97.201.920
1.6. Hỗ trợ KP chức thọ, mừng thọ Người cao tuổi	33.084.000	-	33.084.000
1.7. Hỗ trợ KP thực hiện các nhiệm vụ phát sinh (KP hoạt động HĐND; KP bảo trì 02 phần mềm: kế toán và quản lý tài sản	46.600.000	6.666.670	53.266.670
1.8. Hỗ trợ KP phòng họp trực tuyến và cước sử dụng mạng TSLCD	27.440.000	10.240.000	37.680.000

Nội dung chi	Dự toán năm 2024 đã giao	Giao bổ sung dự toán 02 tháng cuối 2024	Dự toán năm 2024 sau khi sắp xếp
1.9. Hỗ trợ kinh phí hoạt động Đội công tác xã hội tình nguyện		10.833.333	10.833.333
1.10. Kinh phí Hoạt động Đảng (kể cả phụ cấp cấp ủy)	144.025.240	18.393.132	162.418.372
1.11. Chi khác	22.163.623	4.073.173	26.236.796
2. Dự phòng ngân sách:	87.315.812	55.359.930	142.675.742
II/ Số bổ sung từ ngân sách thành phố để thực hiện một số nhiệm vụ	471.000.000	88.925.000	559.925.000
- KP tổ chức Đại hội MTTQ, Đoàn Thanh niên	22.000.000		22.000.000
- KP xây dựng xã hội học tập	15.000.000	15.000.000	30.000.000
- KP Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	434.000.000	73.925.000	507.925.000
CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	5.712.994.236	684.765.465	6.397.759.701

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG, XÃ NĂM 2024

Giao bổ sung dự toán chi 02 tháng cuối 2024 cho UBND phường Kinh Dinh sau khi sắp xếp

(Kèm theo Nghị quyết số 288/NQ-HĐND ngày 20/11/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm)

Đơn vị tính: đồng

Nội dung chi	Dự toán năm 2024 đã giao	Giao bổ sung dự toán 02 tháng cuối 2024	Dự toán năm 2024 sau khi sắp xếp
I/ Chi cân đối ngân sách địa phương	4.770.145.893	998.535.066	5.768.680.959
1. Chi thường xuyên	4.690.737.082	926.107.233	5.616.844.315
(Trong đó: tiết kiệm 10% chi thường xuyên để thực hiện CCTL năm 2024)	34.215.657		34.215.657
1.1. Chi sự nghiệp Văn xã :	101.960.376	79.369.704	181.330.080
(Gồm hoạt động văn hóa thông tin, thể dục thể thao, truyền thanh, đảm bảo xã hội)			-
1.2. Hưu xã			-
1.3. Chi Quản lý hành chính-Đảng- đoàn thể:	3.649.633.600	479.542.757	4.129.176.357
1.3.1. Kinh phí tự chủ:	3.469.468.000	437.782.757	3.907.250.757
Trong đó: + Tổng quỹ lương, các khoản đóng góp (22,5%) của biên chế có mặt	1.550.026.800	142.589.757	1.692.616.557
+ Tiền lương và các khoản đóng góp (22,5%) của số biên chế thiếu	185.749.200		185.749.200
+ Các khoản phụ cấp (công vụ, trách nhiệm, ...)	318.492.000	17.793.000	336.285.000
+ Định mức chi quản lý hành chính	252.000.000	30.200.000	282.200.000
+ Chi hỗ trợ điều hành Ủy ban	50.000.000	10.000.000	60.000.000
+ Mức khoán KP hoạt động các tổ chức CT-XH	24.000.000		24.000.000
+ Quỹ phụ cấp khoán NNHKCT ở phường, xã	388.800.000	37.800.000	426.600.000
+ Mức chi hành chính cho CBKCT cấp xã	20.000.000	5.000.000	25.000.000
+ Quỹ phụ cấp khoán NNHKCT ở khu phố, thôn	680.400.000	194.400.000	874.800.000
1.3.2. Kinh phí không tự chủ:	180.165.600	41.760.000	221.925.600
+ SHP đại biểu HĐND xã, chế độ đ/b HĐND	129.600.000	39.960.000	169.560.000
+ PC kiêm nhiệm Trưởng, phó các ban HĐND cấp xã	18.165.600		18.165.600
+ Chi thù lao các Hội đặc thù	32.400.000	1.800.000	34.200.000
1.4. Chi an ninh- quốc phòng	623.277.440	191.518.943	814.796.383
Trong đó: + Định mức chi an ninh - quốc phòng	100.251.840	10.000.000	110.251.840
+ Chi phụ cấp Lực lượng bảo vệ dân phố	408.240.000	128.327.743	536.567.743
+ Chi hỗ trợ hàng tháng Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng	94.785.600	9.027.200	103.812.800
+ Hỗ trợ trực sẵn sàng chiến đấu an ninh - quốc phòng	20.000.000		20.000.000
+ Hỗ trợ các PX trọng điểm phức tạp về AN-QP	-	44.164.000	44.164.000
1.5. KP thực hiện cuộc vận động theo Quyết định 64/2018/QĐ-UBND	55.000.000	69.820.000	124.820.000
1.6. Hỗ trợ KP chức thọ, mừng thọ Người cao tuổi	24.769.000		24.769.000
1.7. Hỗ trợ KP thực hiện các nhiệm vụ phát sinh (KP hoạt động HĐND; KP bảo trì 02 phần mềm: kế toán và quản lý tài sản	47.572.000	6.600.000	54.172.000
1.8. Hỗ trợ KP phòng họp trực tuyến và cuộc sử dụng mạng TSLCD	27.440.000	11.980.000	39.420.000

Nội dung chi	Dự toán năm 2024 đã giao	Giao bổ sung dự toán 02 tháng cuối 2024	Dự toán năm 2024 sau khi sắp xếp
1.9. Hỗ trợ kinh phí hoạt động Đội công tác xã hội tỉnh nguyện			-
1.10. Kinh phí Hoạt động Đảng (kể cả phụ cấp cấp ủy)	140.928.100	84.494.955	225.423.055
1.11. Chi khác	20.156.566	2.780.874	22.937.440
2. Dự phòng:	79.408.811	72.427.833	151.836.644
II/ Số bổ sung từ ngân sách thành phố để thực hiện một số nhiệm vụ	293.000.000	84.780.110	377.780.110
- KP tổ chức Đại hội MTTQ, Đoàn Thanh niên	22.000.000	-	22.000.000
- KP xây dựng xã hội học tập	15.000.000	29.000.000	44.000.000
- KP Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	256.000.000	55.780.110	311.780.110
CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	5.063.145.893	1.083.315.176	6.146.461.069